

BÀI 40: SINH SẢN Ở NGƯỜI

Môn học: KHTN - Lớp: 8A1, 8A2, 8A3, 8A4, 8A5

Thời gian thực hiện: 3 tiết.

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: *Sau bài học, HS sẽ:*

- Nêu được chức năng của hệ sinh dục ở người.
- Kể được tên các cơ quan và trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ.
- Nêu và phân biệt được khái niệm thụ tinh và thụ thai ở người.
- Nêu được hiện tượng kinh nguyệt và cách phòng tránh thai
- Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục và trình bày được cách phòng chống các bệnh đó.
- Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên. Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khỏe bản thân.
- Điều tra được sự hiểu biết của HS trong trường về sức khỏe sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục).

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh, sơ đồ để tìm hiểu về cấu tạo, chức năng của cơ quan sinh dục nam và nữ; hiện tượng thụ tinh thụ thai, hiện tượng kinh nguyệt và các biện pháp tránh thai; Một số bệnh lây qua đường sinh dục và biện pháp bảo vệ sức khỏe vị thành niên.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tương tác tích cực với các thành viên trong nhóm, sử dụng ngôn ngữ một cách khoa học để diễn đạt. Hoạt động nhóm một cách hiệu quả theo đúng yêu cầu của GV, đảm bảo các thành viên trong nhóm đều tham gia và trình bày ý kiến khi thực hiện các nhiệm vụ được giao trong quá trình học tập.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Thảo luận với các thành viên trong nhóm nhằm giải quyết các vấn đề trong bài học để hoàn thành nhiệm vụ học tập và thực hành.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên:

- + Nêu được chức năng của hệ sinh dục ở người.
- + Kể được tên các cơ quan và trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ.
- + Nêu và phân biệt được khái niệm thụ tinh và thụ thai ở người.
- + Nêu được hiện tượng kinh nguyệt và cách phòng tránh thai
- + Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục và trình bày được cách

phòng chống các bệnh đó.

+ Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục).

- Tìm hiểu khoa học tự nhiên:

+ Điều tra được sự hiểu biết của HS trong trường về sức khỏe sinh sản vị thành niên.

- Vận dụng khoa học tự nhiên:

+ Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khỏe bản thân.

2. Về phẩm chất

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về hệ sinh dục.

- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ.

- Có ý thức bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của bản thân và người thân trong gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tranh ảnh đại gia đình nhiều thế hệ.

- Tranh ảnh về hệ sinh dục nam và nữ.

- Phiếu học tập về chức năng các cơ quan trong hệ sinh dục nam và nữ:

Hệ sinh dục	Cơ quan sinh dục chính	Chức năng
Hệ sinh dục nam		
Hệ sinh dục nữ		

- Video minh họa quá trình thụ tinh và thụ thai ở người.

- Tranh ảnh minh họa chu kỳ kinh nguyệt, một số phương pháp tránh thai.

- Video về thực trạng và hậu quả của việc nạo phá thai ở tuổi vị thành niên và hậu quả.

- Tranh ảnh, video vẽ một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục.

- Ti vi/máy chiếu để chiếu tranh ảnh/video, bài giảng điện tử.

2. Học sinh:

- SGK, SBT khoa học tự nhiên 8.

- Đọc nghiên cứu và tìm hiểu trước bài ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Yêu cầu cần đạt
A. Mở đầu <i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> - GV chiếu tranh đại gia đình nhiều thế hệ.	Cơ quan sinh dục, hệ sinh dục.



- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Để duy trì nòi giống, mọi sinh vật đều trải qua quá trình sinh sản. Ở người, cơ quan và hệ cơ quan nào đảm nhận vai trò sinh sản?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh, thảo luận và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, định hướng, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV mời ngẫu nhiên HS báo cáo câu trả lời.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

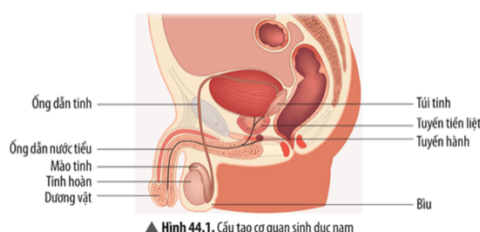
- Từ câu trả lời của HS, GV đặt vấn đề cho bài mới.

B. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Hệ sinh dục

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

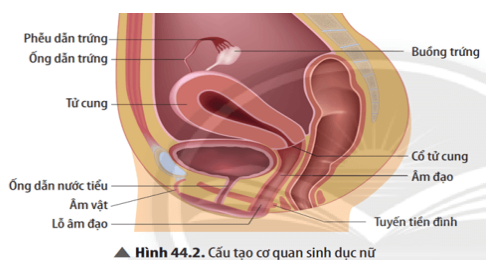
- GV chiếu hình 40.1, 40.2.



▲ Hình 44.1. Cấu tạo cơ quan sinh dục nam

I. Hệ sinh dục

Kết luận ở bảng phụ lục



▲ Hình 44.2. Cấu tạo cơ quan sinh dục nữ

- **Nhiệm vụ 1:** GV yêu cầu HS quan sát tranh ảnh về hệ sinh dục nam và nữ, đọc thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi hoàn thiện phiếu học tập:

Phiếu học tập

Hệ sinh dục	Cơ quan sinh dục chính	Chức năng
Hệ sinh dục nam		
Hệ sinh dục nữ		

- **Nhiệm vụ 2:** Đọc thông tin trên kết hợp quan sát Hình 40.1 và 40.2 để thực hiện yêu cầu và trả lời câu hỏi sau:

Câu hỏi 1. Trình bày chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ.

Câu hỏi 2. Tình hoàn nằm trong bìu có thuận lợi gì cho việc sản sinh tinh trùng?

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SGK mục I và có thể đặt thêm câu hỏi: Em sẽ làm gì để chăm sóc, vệ sinh hệ sinh dục của mình?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi đồng thời HS hoạt động nhóm, hoàn thành phiếu học tập và trả lời câu hỏi.

- GV quản lí HS, hỗ trợ HS trong quá trình hoạt động học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả trả lời của nhóm.

- Các nhóm nhận xét về kết quả của các nhóm khác, có thể trao đổi chéo giữa các nhóm để nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh bổ sung, đánh giá.
- Giáo viên nhận xét, đánh giá.
- GV khẳng định kiến thức để HS ghi nhớ.

Hoạt động 2: Thụ tinh và thụ thai

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho HS quan sát tranh ảnh, xem video để tìm hiểu và phân biệt được hai khái niệm thụ tinh và thụ thai, qua đó hiểu được cơ chế của các biện pháp tránh thai.
- Sau khi xem tranh và video. GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Phân biệt khái niệm thụ tinh và thụ thai.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh/video, đọc thông tin và trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, định hướng, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV mời ngẫu nhiên HS báo cáo câu trả lời.
- Các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.
- Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt nội dung.

Hoạt động 3: Hiện tượng kinh nguyệt và các biện pháp tránh thai.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

II. Thụ tinh và thụ thai:

- Thụ tinh là quá trình tinh trùng kết hợp với trứng tạo thành hợp tử, quá trình này thường diễn ra ở vị trí 1/3 ống dẫn trứng (về phía buồng trứng). Hợp tử hình thành di chuyển đến tử cung, vừa di chuyển vừa phân chia tạo thành phôi.
- Thụ thai là hiện tượng phôi di chuyển đến tử cung và bám được vào niêm mạc tử cung để làm tổ.

III. Hiện tượng kinh nguyệt và các biện pháp tránh thai.

1. Hiện tượng kinh nguyệt

- **Nhiệm vụ 1:** GV chiếu hình 40.4, yêu cầu HS đọc hiểu thông tin trong SGK, liên hệ các kiến thức thực tế, trả lời câu hỏi sau để hiểu về chu kỳ kinh nguyệt:

- + Hiện tượng kinh nguyệt là gì?
- + Kinh nguyệt xảy ra khi nào?
- + Do đâu có kinh nguyệt?
- + Dựa vào Hình 40.4 trong SGK, nhận xét độ dày niêm mạc tử cung trong chu kỳ kinh nguyệt.

- **Nhiệm vụ 2:** GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, đọc thông tin trên kết hợp tìm hiểu thông tin trên các phương tiện khác, thảo luận để trả lời các câu hỏi và yêu cầu sau:

Câu hỏi 1. Cần sử dụng các biện pháp tránh thai trong những trường hợp nào? Tại sao?

Câu hỏi 2. Nêu các biện pháp tránh thai và tác dụng của mỗi biện pháp đó theo mẫu sau:

Bảng 40.1. Biện pháp tránh thai và tác dụng của mỗi biện pháp

Biện pháp tránh thai	Tác dụng
Sử dụng thuốc tránh thai hằng ngày	?
Sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp	?
Sử dụng bao cao su	?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi của nhiệm vụ 1.

- Hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ 2.

- GV quản lí HS, hỗ trợ HS trong quá trình hoạt động học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Đại diện HS/ các nhóm trình bày kết quả.

Nếu trứng không được thụ tinh thì sau 14 ngày kể từ khi rụng trứng, thể vàng bị tiêu giảm kéo theo giảm nồng độ hormone progesterone làm cho lớp niêm mạc bong ra, gây đứt mạch máu và chảy máu đó là hiện tượng kinh nguyệt.

2. Các biện pháp tránh thai

- Ngăn không cho trứng chín và rụng: Viên thuốc tránh thai, que cấy ngừa thai

- Tránh không để tinh trùng gặp trứng: Tính ngày rụng trứng, bao cao su, triệt sản nữ, triệt sản nam

- Chống sự làm tổ của trứng đã thụ tinh: Dụng cụ tránh thai (dụng cụ tử cung – vòng tránh thai).

- Các HS khác/nhóm khác nhận xét về kết quả, có thể trao đổi chéo giữa các nhóm để nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh bổ sung, đánh giá.
- Giáo viên nhận xét, đánh giá.
- GV khẳng định kiến thức để HS ghi nhớ.
- GV có thể cho HS xem video về thực trạng và hậu quả của việc nạo phá thai, nên nhấn mạnh tác hại của việc có thai ngoài ý muốn ở tuổi vị thành niên để HS nhận thức được tầm quan trọng của việc tự bảo vệ bản thân. GV có thể đưa ra lời khuyên cho HS: Không nên quan hệ tình dục ở độ tuổi vị thành niên.

Hoạt động 4: Tìm hiểu một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục và bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên

Hoạt động 4.1: Tìm hiểu một số bệnh lây qua đường sinh dục

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- **Nhiệm vụ 1:** GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân đọc thông tin mục IV SGK trả lời câu hỏi:

+ Kể một số bệnh lây qua đường sinh dục. Nêu nguyên nhân, đường lây và tác hại của các bệnh đó.

- **Nhiệm vụ 2:** Thảo luận tìm hiểu tác hại và biện pháp phòng chống các bệnh lây qua đường sinh dục

Câu hỏi 1. Các bệnh lây qua đường sinh dục có thể gây ra hậu quả gì?

Câu hỏi 2. Từ những hiểu biết về các bệnh lây qua đường sinh dục, em hãy đề xuất các biện pháp phòng chống các bệnh đó.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

IV. Một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục và bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên

1. Tìm hiểu một số bệnh lây qua đường sinh dục

- Bệnh giang mai:
 - + Do xoắn khuẩn *Treponema pallidum* gây ra.
 - + Đường lây: Quan hệ tình dục không an toàn hoặc từ mẹ sang con.
 - + Tác hại: xuất hiện các vết loét ở cơ quan sinh dục, giai đoạn sau có thể tổn thương gan, tim, hệ thần kinh
- Bệnh lậu:
 - + Do song cầu khuẩn *Neisseria gonorrhoeae* gây ra.
 - + Đường lây: Quan hệ tình dục không an toàn, có thể từ mẹ sang con.
 - + Tác hại: xuất hiện mủ trắng

- HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin, thảo luận và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, định hướng, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV mời ngẫu nhiên HS báo cáo câu trả lời.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt nội dung.

Hoạt động 4.2: Bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- **Nhiệm vụ 1:** GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

Câu hỏi 1. Bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên bao gồm những thói quen nào và có ý nghĩa gì?

Câu hỏi 2. Em có thể vận dụng những kiến thức về sinh sản để bảo vệ sức khỏe bản thân như thế nào?

- **Nhiệm vụ 2:** GV chia lớp thành các nhóm để điều tra về sự hiểu biết của HS trong trường về sức khỏe sinh sản vị thành niên. Yêu cầu HS sử dụng phiếu điều tra theo mẫu Bảng 40.2 trong SGK và trả lời câu hỏi:

Câu 1. Tiến hành điều tra trong trường học hiểu biết của các bạn về sức khỏe sinh sản vị thành niên theo mẫu điều tra Bảng 40.2.

Bảng 40.2.

Nội dung điều tra	Có	Không
-------------------	----	-------

hoặc xanh ở bộ phận sinh dục.

- Bệnh IDS: là hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải.

+ Do virus HIV gây ra.

+ Đường lây: Quan hệ tình dục không an toàn, qua đường máu hoặc từ mẹ sang con.

+ Tác hại: người bệnh giảm khả năng miễn dịch và có thể tử vong.

2. Bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên

- Gồm việc hình thành các thói quen tốt, lối sống lành mạnh, luyện tập TDTT phù hợp, giữ vệ sinh cơ quan sinh dục...

- Ý nghĩa: Giúp trẻ vị thành niên có hệ sinh dục khỏe mạnh, không mắc các bệnh đường sinh dục, không mang thai ngoài ý muốn,... Từ đó, trẻ có sức khỏe tốt, tập trang học tập để có được tương lai tốt đẹp hơn.

- Vận dụng những kiến thức về sinh sản để bảo vệ bản thân:

+ Vệ sinh hệ sinh dục hằng ngày để tránh viêm nhiễm.

+ Biết cách phòng tránh các bệnh lây truyền qua đường sinh dục.

+ Biết các biện pháp tránh thai và tác dụng của mỗi biện pháp, sử dụng trong trường hợp cần thiết.

Biết về cấu tạo và chức năng của cơ quan sinh dục	?	?
Biết việc nạo, phá thai ảnh hưởng xấu đến sức khỏe sinh sản	?	?
Biết các biện pháp phòng ngừa xâm hại tình dục	?	?
Biết về các biện pháp tránh thai ngoài ý muốn	?	?
Biết nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng chống bệnh lậu	?	?
Biết nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng chống bệnh giang mai	?	?
Biết nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng chống AIDS	?	?
Câu 2. Từ kết quả điều tra, em hãy cùng bạn xây dựng nội dung tuyên truyền nhằm nâng cao hiểu biết về sức khỏe sinh sản vị thành niên. - Căn cứ kết quả điều tra, GV hướng dẫn HS xây dựng các nội dung tuyên truyền nhằm nâng cao hiểu biết về sức khỏe sinh sản vị thành niên như: + Cách vệ sinh cơ quan sinh dục hằng ngày. + Hậu quả của việc mang thai ngoài ý muốn. + Các biện pháp tránh thai ngoài ý muốn - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin, thảo luận và trả lời câu hỏi. - GV quan sát, định hướng, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV mời ngẫu nhiên HS báo cáo câu trả lời. - Các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.		
Đáp án: 1. A, 2. C, 3. D, 4.D		

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.
- Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt nội dung.

C. Luyện tập

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi làm bài tập:

Câu 1. Sau khi được tạo ra tại tinh hoàn, tinh trùng sẽ được đưa đến bộ phận nào để tiếp tục hoàn thiện về cấu tạo ?

- A. Mào tinh
- B. Túi tinh
- C. Ống đái
- D. Tuyến tiền liệt

Câu 2. Tinh trùng người có chiều dài khoảng

- A. 0,1 mm.
- B. 0,03 mm.
- C. 0,06 mm.
- D. 0,01 mm.

Câu 3. Ở nam giới khoẻ mạnh, số lượng tinh trùng trong mỗi lần phóng tinh nằm trong khoảng bao nhiêu ?

- A. 50 – 80 triệu
- B. 500 – 700 triệu
- C. 100 – 200 triệu
- D. 200 – 300 triệu

Câu 4. Hiện tượng kinh nguyệt là dấu hiệu chứng tỏ

- A. trứng đã được thụ tinh nhưng không rụng.
- B. hợp tử được tạo thành bị chết ở giai đoạn sớm.
- C. trứng không có khả năng thụ tinh.
- D. trứng chín và rụng nhưng không được thụ tinh.

Câu 5. Ở nữ giới có chu kì kinh nguyệt đều đặn là 28 ngày thì trong các thời điểm sau, nồng độ LH đạt giá trị cao nhất ở thời điểm nào ?

Đáp án: 1 B, 2D, 3C

A. Ngày thứ 28 tính từ ngày kinh đầu tiên của chu kì gần nhất

B. Ngày thứ 14 tính từ ngày kinh đầu tiên của chu kì gần nhất

C. Ngày kinh đầu tiên của mỗi chu kì

D. Ngày kinh cuối cùng của mỗi chu kì

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, định hướng, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV mời ngẫu nhiên HS báo cáo câu trả lời.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt nội dung.

D. Vận dụng

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu học sinh làm bài tập sau:

Câu 1. Ở nữ giới có chu kì kinh nguyệt đều đặn là 28 ngày thì trong các thời điểm sau, nồng độ LH đạt giá trị cao nhất ở thời điểm nào ?

A. Ngày thứ 28 tính từ ngày kinh đầu tiên của chu kì gần nhất

B. Ngày thứ 14 tính từ ngày kinh đầu tiên của chu kì gần nhất

C. Ngày kinh đầu tiên của mỗi chu kì

D. Ngày kinh cuối cùng của mỗi chu kì

Câu 2. Vì sao chúng ta không nên mang thai khi ở tuổi vị thành niên ?

A. Vì con sinh ra thường nhẹ cân và có tỉ lệ tử vong cao.

B. Vì mang thai sớm thường mang đến nhiều rủi ro như sảy thai, sót rau, băng huyết, nhiễm khuẩn, nếu không cấp cứu kịp thời có thể nguy hiểm đến tính mạng.

C. Vì sẽ ảnh hưởng đến học tập, vị thế xã hội và tương lai sau này.

D. Tất cả các phương án còn lại.

Câu 3. Việc nạo phá thai có thể dẫn đến hậu quả nào sau đây ?

A. Vỡ tử cung khi chuyển dạ ở lần sinh sau

B. Chửa ngoài dạ con ở lần sinh sau

C. Tất cả các phương án còn lại

D. Vô sinh

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, định hướng, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV mời ngẫu nhiên HS báo cáo câu trả lời.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt nội dung.

***Củng cố, dặn dò**

- GV yêu cầu HS tóm tắt các nội dung đã học hoặc tổ chức các hoạt động khác nhằm chốt kiến thức, kĩ năng cơ bản của bài học. - Ôn lại kiến thức đã học. - Làm bài tập trong sách bài tập. - Đọc và tìm hiểu trước <i>Bài 41. Môi trường và các nhân tố sinh thái.</i>	
--	--

Phụ lục:

Bảng cấu tạo chức năng của cơ quan sinh dục nam và nữ

Hệ cơ quan	Các cơ quan	Chức năng
Hệ sinh dục nam	Tinh hoàn	Sản sinh tinh trùng, tiết hormone sinh dục nam
	Mào tinh	Nơi tinh trùng tiếp tục phát triển và hoàn thiện về cấu tạo.
	Ống dẫn tinh	Đường dẫn tinh trùng di chuyển đến túi tinh
	Túi tinh	Chứa và nuôi dưỡng tinh trùng
	Tuyến tiền liệt, tuyến hành	Tiết dịch nhờn
	Buồng trứng	Sản sinh trứng, tiết hormone sinh dục nữ
	Phễu dẫn trứng, ống dẫn trứng	Phễu dẫn trứng hứng và đưa trứng rụng di chuyển đến ống dẫn trứng, tại đây có thể diễn ra quá trình thụ tinh.
	Tử cung	Nuôi dưỡng thai nhi phát triển
	Âm đạo	Nơi tiếp nhận tinh trùng và là đường ra của trẻ khi sinh
	Tuyến tiền đình	Tiết dịch nhờn để bôi trơn âm đạo

Biện pháp tránh thai và tác dụng của mỗi biện pháp

Biện pháp tránh thai	Tác dụng
Sử dụng thuốc tránh thai hằng ngày	Ngăn cản sự rụng trứng, làm dày lớp màng nhầy cổ tử cung, ngăn cản tinh trùng bơi về phía tử cung để thụ tinh, làm biến đổi thành tử cung không thích hợp cho trứng làm tổ, do vậy mà có tác dụng tránh thai.
Sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp	Ngăn cản quá trình rụng trứng tự nhiên diễn ra, ngăn không cho buồng trứng phóng thích trứng.
Sử dụng bao cao su	Tránh thai ngoài ý muốn